

Sự tích Visàkhà, vị nữ đại Hộ Pháp thời Đức Phật

Nguyễn Điều (1994)

Mục lục

[Phần 1](#)

Lời nói đầu

[I] Gia Tộc

[II] Thanh niên và lấy chồng

[III] Vẫn có nghịch cảnh

[IV] Người đàn bà mẫu mực - Hộ trì Tam bảo

[Phần 2](#)

[V] Vì Visàkhà mà Đức Phật nói pháp

[VI] Tên hiền mẫu "Migàra" trong vài bài pháp dài

[VII] Tên Visàkhà tìm thấy trong tạng Luật
Tài liệu tham khảo

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Phần 1](#) | [Phần 2](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 04-04-2001

**Sự tích Visàkhà, vị nữ đại Hộ Pháp thời Đức Phật
Nguyễn Điều (1994)**

Phần 1

Lời nói đầu

Đức Phật, khi sinh tiền, có hai Đại đệ tử tại gia, hộ trì Tăng Già nòng cốt nhất, là thiện nam Anàthapindika (Tu Đà Cấp Cô Độc) và tín nữ Visàkhà (Nguyệt Trang Đài). Câu chuyện ông bá hộ Cấp Cô Độc đã được soạn giả dịch xong, ấn tống vào mùa Vu Lan 1993. Bây giờ đến lượt sự tích bà Visàkhà, để hoàn tất công tác dịch soạn ra Việt ngữ cuộc đời đôi nam nữ đại ân nhân của đạo Phật.

Đối với các hàng thiện tín "Phật Giáo Nguyên Thủy", cái tên Visàkhà không phải là một "nhân vật" xa lạ, nhưng đối với chư Phật tử các môn phái khác thì cái tên này chưa được nhắc đến cho lắm!

Và để tập sách được phổ biến rộng rãi hơn, chúng tôi đã cố ý làm cho soạn phẩm ít về "kinh sách Nguyên Thủy". Đặc biệt là cách dùng từ ngữ, và chuyển hóa một số tên ra tiếng Việt. Các Phật tử "Bắc tông", khi nhìn danh từ riêng Pàli "Visàkhà", có lẽ sẽ do dự trong việc phát âm. Vì vậy, soạn giả mạo muội dịch tên "Visàkhà" ra là "Nguyệt Trang Đài" (hay gọi tắt: "Nguyệt Trang").

Lý do chọn các chữ "Nguyệt Trang Đài" xin được trình bày như sau:

Từ ngữ "Visàkhà", tuy nghĩa thật là "Nét đẹp tháng Năm", nhưng khi nó được dùng để đặt tên người, thì có thể trùng nghĩa với chữ "Vesàkhà", một đơn vị thời gian, nằm giữa hai tháng là tháng Tư và tháng Năm Dương lịch. Các quốc gia theo hệ thống Phật giáo Nam Truyền, như Ai Lao, Cao Miên, Thái Lan, Miến Điện, Nepal, Ấn Độ, Tích Lan v.v... thường gọi khoảng thời gian ấy (nhằm tháng Tư Âm lịch) là tháng "Vesak". Vàng trăng rằm của tháng "Vesak" tuyệt đẹp. Vì trong khoảng thời gian này, bầu trời rất trong, khí hậu ấm áp. Và lại, ba ngày lễ lớn của Phật giáo là lễ "Bồ Tát Đản Sanh", "Bồ Tát Thành Đạo", và "Phật Nhập Niết Bàn" cũng trùng vào ngày rằm "Vesak" (hay tháng Tư Âm lịch) vậy. Phật giáo Nguyên Thủy Việt Nam còn gọi ngày rằm tháng Tư là "Lễ Tam Hợp".

Vì các ý nghĩa trên, soạn giả thiết nghĩ từ ngữ "Visàkhà" có thể "Việt hóa" thành "Nguyệt Trang Đài", để diễn tả "đức hạnh của vị nữ đại Hộ pháp thời đức Phật còn tại thế, như một tòa lâu đài chứa đầy ánh sáng dịu hiền, chẳng khác nào ánh sáng tươi mát vô tận, của một đêm trăng rằm không mây". Chúng tôi hy vọng sự "chuyển ngữ" này sẽ không lấy gì làm quá đáng! Ngoài ra, soạn giả cũng đã tra cứu phần "Ngữ căn" và "Văn phạm" của danh từ Pàli "Visàkhà", được in nơi trang chót cuốn "Sự tích Tu-Đà Cấp Cô Độc" đã xuất bản năm 1993.

Quả phước soạn dịch này, chúng tôi kính hồi hướng đến toàn thể dân tộc Việt Nam, nhất là các bậc hữu ân, thầy tổ của soạn giả. Chúng tôi cũng không quên chia đều công quả ấy đến tất cả những ai đã tiếp tay trong việc sưu tầm tài liệu, và tài chánh ấn tống.

Nguyên cho toàn thể nhân loại, chúng sanh đừng oan trái lẫn nhau, cùng mỗi ngày một tiến dần đến ánh sáng giác ngộ, giải thoát.

Nguyễn Điều
Tháng 12-1994

--ooOoo--

[I] Gia Tộc

Tám tháng sau khi Thái tử Bồ Tát Sĩ Đạt Ta đắc đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (Sammāsambuddha), thành Phật dưới cội cây Bồ Đề, và bắt đầu Chuyển pháp luân (Cakkapavattana-dhamma), gần Bồ Đề đạo tràng (Bodhigaya) và dòng sông Ni Liên (Anoma), rồi Phật dời chân đến Vương Xá thành (Rājagaha) để tiếp độ vua Bình Sa (Bimbisāra) và nhận ngôi vườn trúc của Vương gia, để thành lập tu viện đầu tiên: Trúc Lâm Tịnh Xá (Veluvana-vihāra). Thì tại miền "Anga", thuộc châu thổ sông Hằng (Ganga), có một gia đình đại bá hộ tên Mendaka. Mendaka là một phú nhân hiền đức, đời này giàu sang tuyệt bậc là nhờ trong vòng luân hồi tiền kiếp gặp nạn đói, ông đã một lần cúng dường phần thực phẩm sau cùng của gia đình ông, đến một vị Phật Độc Giác (Pacceka-buddha). Do quả lành của sự hy sinh cao quý ấy (tức chiến thắng dễ dàng lòng ích kỷ của mình) mà khi được tái sinh vào phú tộc, Mendaka đã hưởng thụ lắm phước báu phi thường. Một trong những phước báu phi thường ấy là tiền bạc của ông dồi dào như mạch nước. Hễ ông chỉ dùng một, thì lợi tức động sản hay bất động sản sắp đến, lại thu vô gập mười, không bao giờ hao hụt!

Một hôm, bá hộ Mendaka đến nghe đức Phật thuyết pháp tại Kỳ Viên tịnh xá, do đại Hộ pháp Cấp Cô Độc (Anāthapindika) dâng cúng, gần thành Xá Vệ (Sāvatthi) thì một niềm hoan hỷ "*thấy được phước quả hiện tiền*", bỗng tràn ngập tâm hồn ông. Vì Mendaka đã có một đứa con trai cũng giàu lòng thương người như ông. Cậu công tử này tên Dhanāñjaya (nghĩa là người biết làm vinh quang của cái, bằng cách đem ra chia sẻ đến kẻ bất hạnh, để thấy xung quanh bớt khổ, thì dạ mình vui lây!). Còn bà bá hộ Mendaka là Sumana Devī, một giai nhân tuyệt sắc, chẳng những rất đẹp về thân thể, mà tâm hồn cũng cao thượng như "Nữ thần bác ái". Nên người đương thời truyền tụng thươ bầy giờ là: Có năm điều đáng ao ước: 1. Làm vua, 2. Giàu sang, 3. Vợ đẹp, 4. Con ngoan, 5. Cả gia đình đều khoẻ mạnh. Thì ông bá hộ Mendaka đã có đến bốn điều hạnh phúc vậy.

Khi Quốc vương Pasenadi (Ba Tư Nặc) của xứ Kosala, nghe lân bang có nhiều hiền nhân quân tử, vương gia yêu cầu vua láng giềng gửi qua thủ đô mình vài nhân vật đầy đủ phúc hạnh, để cho toàn dân nước ông noi gương, thì Mendaka, cùng con trai Dhananjaya, với cả gia đình đã được chọn, để di cư sang làm công dân danh dự nước Kosala và họ đã bỏ tiền của xây dựng toàn thể cư xá cho dân cư nguyên một thành phố lấy tên là Sāketa, gần thủ đô Xá Vệ (Sāvatthi).

Giống như thân phụ, Dhananjaya nhân nghe một bài pháp, được Phật thuyết sau khi thọ trai tại gia, cậu đã đắc quả Tu Đà Hườn hay quả nhập Thánh Lưu (Sotāpanna). (Quả Tu Đà Hườn là Thánh quả diệt tận ba xiềng xích đầu trong cuộc luân hồi là: 1. Ngã chấp, 2. Hoài nghi, 3. Mê tín).

"Bá hộ con" Dhananjaya sau đó sinh một ái nữ đặt tên là Visākhā (Nét đẹp tháng Năm). Cô tiểu thư bá hộ đời thứ ba này, về phương diện phạm hạnh Phật giáo lại được thấm nhuần nhiều hơn thân phụ và nội tổ nữa. Nghĩa là cô đã may mắn chiêm ngưỡng hình ảnh đức Phật và Tăng chúng, ngay từ lúc còn nằm trong nôi. Tuổi thọ và thời niên thiếu

của Visàkhà được tô điểm hằng ngày bằng thiện nghiệp, do cô bắt chước thân phụ, thân mẫu, và ông nội thực hành. Đồng thời cô còn thường xuyên nghe pháp cùng lễ bái, cúng dường đến đức Phật và chư Thánh Hiền Tăng. Đây chính là lý do mà Visàkhà đã đạt Thánh tâm Tu Đà Huàn (Sotàpanna) ngay từ lúc còn nhỏ. (Cổ sách viết Visàkhà đắc quả Sotàpanna hồi bảy tuổi, nhưng soạn giả chưa tìm ra kinh điển chánh thống xác nhận, nên không thể nói chắc).

[III] Thanh niên và lấy chồng

Khi Visàkhà khôn lớn, trở thành một giai nhân tuyệt sắc, thì nhằm lúc vị đại diện chủ sở một của kinh đô Sàvatthi (Xá Vệ), ông Migàra, muốn tìm một thiếu nữ dung hạnh vẹn toàn, để cưới vợ cho con trai tên Pannavaddhana (tạm dịch là Tuệ Phát).

Ngày kia, Visàkhà cùng nhiều tỷ nữ, trong một cuộc giải trí ngắm cảnh dọc bờ sông, bỗng gặp cơn mưa to, sấm sét nổi lên dữ dội. Tất cả các giai nhân đều hoảng sợ, chạy tán loạn tứ phía, tìm cách tránh mưa. Nhưng Visàkhà cứ bình thản, thông thả bước đi, dường như chẳng quan tâm gì đến khung cảnh mưa sét xung quanh. Một người thân tín của đại diện chủ Migàra thấy vậy, liền đến gần hỏi Visàkhà rằng: "Tại sao cô không nhanh chân chạy trốn mưa, như những thiếu nữ khác, mà lại thung thủng bước đi?" thì được nàng trả lời: "Là một cô gái chưa có gia đình, tôi phải đi tìm một chàng trai xứng đáng để lấy, chứ không thể chạy trốn mưa, như những thiếu nữ khác, mà lại thung thủng bước đi." Bị mưa ướn không còn dung hạnh, nhưng chạy tán loạn, sở sảng, sẽ mất đi sự kiều diễm của một tiểu thư. Tôi không muốn tự làm cho mình bị thiệt hại vô ích như thế".

Nghe câu nói ấy, người hỏi lấy làm kính phục. Y vốn là một trong những "sứ giả" của đại diện chủ Migàra, gửi đi khắp nơi để tìm dâu hiền. Y lập tức quay về báo chủ nhân biết, vừa tìm ra một thiếu nữ "mẫu mực", xứng đáng làm dâu nhà Migàra. Sau đó, đại diện chủ Migàra vội nhờ người quý tộc đứng ra làm mai, và được phụ thân của Visàkhà chấp thuận.

Cuộc gặp gỡ của hai gia đình Dhananjaya và Migàra còn được vua Pasenadi (Ba Tư Nặc) chủ tọa, và tất cả các quan trong triều tham dự trọng thể, nên dĩ nhiên dân chúng trong thành cũng nghênh đón, như lễ đính hôn của một đương kim Công chúa. Kết quả, một thời gian chuẩn bị đám cưới, và hôn lễ kéo dài đến ba tháng. Thân phụ cô dâu, tức bá hộ Dhananjaya, ở địa vị là "Thị trưởng" của thành phố Sàketa (do ông xây cất tặng dân chúng) đã xuất tiền để cả thành phố được trang trí liên hoan. Toàn dân vui chơi theo tiệc tùng, âm nhạc, thể thao, ngoạn cảnh, ca kịch, và lễ bái các bậc Thánh nhân. Mặt khác, nhiều thợ kim hoàn nổi tiếng cũng trở hết tài nghệ, để chế tạo những đồ trang sức thượng hạng cho cô dâu, chú rể. Các thợ may sáng tạo nhất thì tình nguyện "ăn vắn" thật quý phái cho đôi vợ chồng trưởng giả sắp cưới. Còn những đầu bếp khéo léo đã không ngừng nấu những món ăn tuyệt vị, để thết đãi chẳng những các giới vua chúa, quý tộc, nhân sĩ, mà còn dịp để làm khoái khẩu toàn dân. Chưa kể các tay chuyên môn chế tạo nước hoa, mỹ phẩm, các thợ hóa trang, và những tiểu phụ biết tìm ra gỗ tốt, củi thơm, cũng tình nguyện làm việc, để cho cuộc lễ được mười phần như ý. Đáng đề cao hơn hết là nhân dịp cưới của Visàkhà này, Thị trưởng Dhananjaya đã ra lệnh đập bỏ tất cả những nhà cũ của dân trong thành phố Sàketa, để ông xây tặng lại mới hết.

Nói về hồi môn thì bá hộ Dhananjaya đã tặng cho con gái mang về nhà chồng, nhiều trăm cỗ xe chứa đầy tơ lụa, vàng bạc, châu báu, và cả nô bộc. Ông cũng chia của "động sản" cho ái nữ với hơn chục ngàn trâu bò, dê cừu, thậm chí đến đám mục đồng chăn giữ gia súc, ông cũng gởi đi luôn. Và đoàn người đưa dâu là tất cả dâu cũ trong mười bốn ngôi làng thuộc thành phố Sàketa, cộng thêm quan quân của triều đình, cùng với nhân sự phía nhà rể. Thật là một đám cưới vô tiền khoáng hậu. (Theo Túc Sinh truyện

thì Visàkhà kiếp này được sinh ra trong nhung lụa, của cải dồi dào, và kẻ ăn người ở đông đảo như vậy, là nhờ xuyên qua vô lượng kiếp quá khứ, tiền thân nàng đã làm nhiều thiện nghiệp. Nhất là một kiếp nọ, dưới thời giáo lý đức Phật Padumuttara (Tối Thượng Đức), tiền thân Visàkhà đã trọn đời hộ độ vị Chánh đẳng Chánh giác này).

Hôn lễ tại nhà gái vừa chấm dứt, và trước khi đưa con lên xe hoa về phía chồng, bá hộ Dhananjaya còn dặn dò Visàkhà mười điều tâm niệm (Thập thiện) và khuyên nàng phải luôn luôn gìn giữ giới đức cùng tâm hồn quang minh rộng lượng. Ông cũng chỉ định tám giáo thụ tâm phúc đưa dâu, và sau đó bí mật theo dõi hạnh kiểm của Visàkhà, hầu cứu xét những "phản nản" của nhà chồng nhắm vào Visàkhà (nếu có), để ông kịp thời giải quyết.

Còn Visàkhà, tuy chịu cảnh tách rời cha mẹ, nàng rất buồn lòng. Nhưng với nét trầm tĩnh, kiêu diễm, nàng đứng trên xe hoa, diễu hành qua các đường phố, trong kính đô Xá Vệ (Savatthi) như một Công chúa đăng quang. Rồi khi đến trước cổng nhà chồng, nàng lấy nhiều tiền bạc và đồ vật giá trị trao tặng cho toàn thể dân chúng nghênh đón và chia vui trong ngày lễ vu quy.

[III] Vẫn có nghịch cảnh

Tuy nhiên, sống trên cõi trần, nếu hạnh phúc vật chất chẳng thường xuyên tuyệt đối, thì Visàkhà vẫn không sao tránh khỏi bất hạnh, do ít nhiều va chạm với gia đình bên chồng. Sở là cha chồng Visàkhà, đại diện chủ Migàra là một tín đồ nhiệt thành của đạo khổ hạnh lửa thiêu. Ông chẳng những bản thân tôn thờ ba huynh đệ giáo chủ đạo ấy, mà còn bắt buộc cả nàng dâu cũng phải hầu hạ mấy vị tôn sư khổ hạnh không mặc quần áo này, khiến cho Visàkhà phản ứng mạnh mẽ và công khai từ chối. Kết quả, ba vị giáo chủ lửa thiêu mất mặt, bèn dạy đệ tử trả Visàkhà về cho cha mẹ. Thoạt đầu đại diện chủ Migàra thâm nghĩ: "Dâu ta là một người con gái chưa đủ tuổi đời, dễ hiểu thấy giá trị khổ hạnh không cắt tóc cạo râu và không mặc quần áo như thế nào mà tôn kính ba giáo chủ. Bởi tâm nàng còn dính chặt với vẻ đẹp thế gian. Thôi, dần dần rồi ta sẽ thuyết phục nàng".

Một hôm, một Sa môn Phật giáo ngẫu nhiên đứng khát thực trước nhà đại diện chủ nhằm lúc Visàkhà vừa dọn cơm cho cha chồng. Nàng liền nghiêng mình đứng sang một bên, để ông Migàra trông thấy vị khát sĩ mà bỏ thí thực phẩm. Nhưng lão diễn chủ chẳng những không thêm chú ý mà còn tỏ vẻ khinh thường hàng tu sĩ cạo râu, cạo tóc, ăn mặc thô sơ.

Visàkhà thấy vậy bực mình, bèn thưa với vị Sa môn khát sĩ rằng: "Mời Ngài tiến bước sang khát thực nhà khác, vì cha chồng tiện nữ hôm nay, có lẽ ăn hết thực phẩm, chẳng còn gì để chia sót cho ai cả". Nghe câu ấy đại diện chủ Migàra lập tức nổi giận. Ông ra lệnh cho gia nhân tổng cổ nàng dâu ra khỏi nhà. Nhưng các tôi tớ tuy hằng ngày rất khiếp sợ chủ nhân, chẳng hiểu sao trước mặt Visàkhà, tất cả đồng thanh từ chối, không tuân lệnh Migàra. Lờ qua tiếng lại sau đó lan rộng ra tất cả mọi người. Và tám giáo thụ tâm phúc, được Dhananjaya chỉ định theo dõi hạnh kiểm của Visàkhà, cũng như điều tra những "phản nản" của đại diện chủ Migàra, phải đứng ra dàn xếp. Sau khi cân nhắc, tám vị kết luận là Visàkhà không đáng trách, không có lỗi gì cả.

Từ ngày ấy, Visàkhà thấy cha chồng càng ngày càng trở nên tâm tối, vì bị bao vây bởi những tu sĩ đạo lửa thiêu. Họ đã làm cho ông ăn không ngon, ngủ không yên. Tâm hồn Migàra gần như điên loạn, dần vật giữa hai đảng, một bên là "hăm dọa" tâm linh của ba vị giáo chủ, và bên kia là thái độ hòa thuận với nàng dâu, cùng kẻ ăn người ở trong nhà. Ông ngơ ngáo, bất lực và suýt đã muốn quỵn sinh.

Trước thảm kịch như thế, Visàkhà giữ tâm thật bình tĩnh. Nàng dịu dàng báo cho cha mẹ chồng và phu quân hay rằng: "Nếu ông đại diện chủ Migàra cứ tiếp tục cố chấp thì nàng bắt buộc phải quay về nương náu với cha mẹ mình. Ngược lại, nếu cha chồng muốn nàng cộng tác để đưa ông cùng gia đình ra khỏi cảnh tà kiến và chia rẽ, thì nàng sẽ ở lại và khuyên ông nên từ kiểm thảo, và mời đức Phật cùng chúng Tăng đến nhà lễ bái cúng dường, nghe pháp".

Khi đại diện chủ Migàra không còn giải pháp nào khác, định cầu hòa với Visàkhà, và làm theo những điều nàng khuyên, thì ba giáo chủ đạo lửa thề lại hiện đến. Họ dạy ông đại diện chủ đừng đích thân cúng dường "Phật Cồ Đàm" và chư đệ tử, mà hãy để cho gia nhân làm chuyện ấy. Còn ông thì chỉ đến chào hỏi lấy lệ mà thôi. Nhưng lạnh thay, lúc đại diện chủ bước ra gặp Phật, thì đức Thế Tôn bắt đầu thuyết pháp.

Bài pháp của đức Phật đã làm cho ông Migàra tỉnh ngộ, và chỉ trong chớp lát, ông đã cảm thấy một niềm vui sướng, kinh cảm sâu xa. Tâm tư của ông lúc bấy giờ, tự nhiên biến đổi, như một người vừa bước từ ngục tối ra giữa vùng ánh sáng. Ông chợt thấy rõ giá trị hiếm có của kiếp làm người được giàu sang, cũng như con đường luân hồi không thể tránh khỏi trước mặt.

Niềm hoan hỷ đột ngột tràn ngập quả tim ông, ví như làn hơi, nước mát lướt qua, thoa dịu trên da thịt rất nóng, của kẻ lữ hành giữa sa mạc. Mọi tuyệt vọng và tối tăm trong linh hồn ông tức khắc được cởi bỏ, nên trong một phút quá sung sướng, ông đại diện chủ Migàra buột miệng gọi nàng dâu Visàkhà là "Nữ thần Migàra". (Nguyên văn chữ Pàli là "Migàra Mātā" phải dịch là "Hiền mẫu Migàra". Nhưng soạn giả mạn phép chuyển hai chữ "Hiền mẫu" thành "Nữ thần" cho có tôn ti trật tự gia đình. Vì thuật bấy giờ từ ngữ "Mātā" được dùng ám chỉ các nữ thần. Ngay cả ngày hôm nay, toàn thể dân chúng theo Ấn Độ giáo đều xem "bò cái" là một "linh vật", và gọi tượng bò cái là "Mātāji" tức "Đức Mẹ". Chúng tôi xin ghi vào đây, để quý vị tùy nghi tra cứu).

[IV] Người đàn bà mẫu mực - Hộ trì Tam bảo

Sau đó, đời sống của tín nữ Visàkhà và nhà chồng liền trở lại bình thường. Visàkhà sinh đến mười đứa con trai và mười đứa con gái. (Có sách chép nhiều hơn mười nam mười nữ, nhưng không xác định con số bao nhiêu). Và tất cả con trai lẫn con gái của Visàkhà, về sau cũng sinh mỗi người không dưới hai mươi quý tử như mẹ. Rồi dòng giống sai con ấy đã kéo dài đến mười bốn đời mới chấm dứt. Đặc biệt là Visàkhà đã sống trên một trăm hai mươi tuổi với một sức khỏe và sắc đẹp phi thường. Suốt các thời thiếu niên, thanh niên, trung niên, lão niên, và đại trường thọ, người đàn bà đại phúc ấy đã luôn luôn có một sắc diện và thân thể như cô gái mười sáu tuổi xuân (Theo Jātakas).

Tức Sinh truyện (Jātakas) còn ghi rõ: Quả lành này đã do tiền thân Visàkhà tạo ra trong vô lượng kiếp quá khứ, nhất là kiếp nào tiền thân nàng gặp Phật, hay chư Bồ Tát Thánh Hiền Tăng, nàng luôn luôn làm phước và nghe thuyết pháp. Ngày nào tiền thân nàng có dịp nghe được đạo lý từ kim khâu của một bậc Giác Ngộ, thì cả ngày ấy và những ngày hôm sau, tâm hồn nàng tràn ngập vui tươi, phi lạc.

Theo kinh Tăng Nhứt Chi A Hàm (A I. 26) thì thuở sinh thời Visàkhà khỏe mạnh như một con voi: Nàng có thể làm việc liên tay cả ngày, mà không biết mệt. Chương trình sinh hoạt thường nhật của nàng không có vấn đề nghỉ ngơi. Nàng sắp xếp công tác gia đình một cách quân bình và thứ tự, phối hợp với những thì giờ đi chùa cúng dường, nghe kinh và tu tịnh. Khi cha mẹ chồng già yếu, Visàkhà, tuy là nhân vật thứ hai (sau chồng nàng), điều khiển một gia tài khổng lồ. Nhưng trên thực tế, nàng đã đảm đương tất cả, thay chồng chỉ huy toàn diện.

Tuy nhiên, gánh nặng quản đốc gia đình ấy, vẫn không làm Visàkhà sơ xuất trong việc cúng dường đức Phật, và hộ độ chư Tăng, Ni thường xuyên đầy đủ bằng bốn món vật dụng là thực phẩm, y phục, thuốc men, và chỗ ở tươm tất. Nàng quán xuyến việc nhà khéo léo đến độ hễ khi Phật thuyết pháp là nàng có thể đến nghe, mà không ngưng trệ sinh hoạt gia đình.

Cũng trong kinh Tăng Nhất A Hàm (Anguttara Nikāya), chính đức Phật đã tán dương: "Tín nữ Visàkhà là một trong hai người đứng đầu, trong thiện nghiệp hộ trì Tam Bảo vậy". (- Người kia ám chỉ Đại thiện nam Tu Đà Cáp Cô Độc!).

Còn trong Tạng luật (Vinaya Pitaka), quyển IV 161 cũng có một đoạn thuật sự đặc biệt như sau: Một hôm Visàkhà bỏ quên xấu chuỗi ngọc (là nữ trang vu qui của nàng) tại chùa Kỳ Viên, sau khi nghe pháp ra về. Tôn giả A Nan Đà là người đã tìm thấy vật quý, và cẩn thận cất giữ chờ trao lại cho chủ nhân. Visàkhà nhân cơ hội này, liền làm một việc thiện độc đáo: Thay vì khi A Nan Đà trao lại nữ trang, nàng nhận đem về nhà, thì nàng lại công bố bán đấu giá của quý, để lấy tiền cúng dường Tam Bảo. Nhưng điều đáng tiếc là toàn thể kinh đô Xá Vệ (Sāvatthi) chẳng có phú gia nào đủ sức đấu giá với nàng. Rốt cuộc Visàkhà phải tự mình mua lấy xấu chuỗi ngọc với giá cao nhất, rồi dùng tài chánh ấy xây cất một tu viện nằm phía Đông chùa Kỳ Viên (Jeta-vanavihāra), đặt tên là "Đông Viên tự" (Pubbārāma).

Vì ngôi chùa mới này có một sảnh đường rất lớn, và nằm trước cổng vào kinh thành Xá Vệ (Sāvatthi), nên người đương thời còn gọi là "Sảnh Đường Nữ Thần Migāra" (Migāramātu Pāsāda). Và nhiều đoạn mở đầu của một số kinh nói rằng: "Đức Phật đã thường lui tới sảnh đường này, nhất là trong khoảng 20 năm trước khi nhập Niết bàn. Giống như Phật đã có mặt thường xuyên ở Kỳ Viên tịnh xá, do hai ông bá hộ Cấp Cô Độc và Thái tử Kỳ Đà (Jeta) hiến dâng.

-ooOoo-

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Phần 2](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 04-04-2001

Sự tích Visàkhà, vị nữ đại Hộ Pháp thời Đức Phật
Nguyễn Điều (1994)

Phần 2

[V] Vì Visàkhà mà Đức Phật nói pháp

Nhiều chỗ trong Tam tạng kinh điển cũng thuật lại lắm giai thoại liên quan đến tín nữ Visàkhà, dưới cái tên là "Me Hiền Migàra" (Migàra Mātā). Một câu chuyện đã chép lại rằng: Lần nọ, một số hương chức yêu cầu Visàkhà đưa các phu nhân của họ đến thăm đức Phật. Dĩ nhiên Visàkhà rất vui về làm chuyện này. Nhưng có vài "mệnh phụ" vì mới uống rượu ngà ngà, nên đã có những cử chỉ thiếu đoan trang trước Tăng chúng. Visàkhà nhân cơ hội ấy hỏi đức Bôn Sư một câu rất khéo léo.

- Bạch Thế Tôn! Chất say từ đâu đến?

Đức Phật bèn thuật lại câu chuyện Kumbha (Ghi trong Túc Sinh truyện số 512: Kumbha Jātaka No. 512) như sau: "Trong ngôi rừng nọ, có một bông cây (khối gỗ lõm sâu) chứa nước mưa quanh năm. Và loài chim chóc ăn hoa trái, ngũ cốc, (nhất là lúa thóc) hằng ngày đến uống nước. Khi uống, chúng đã nhả ra các vụn trái cây, hạt thóc, hạt đậu v.v... Dần dần bông cây không phải chỉ chứa nước mưa, mà còn chứa nhiều vụn hoa quả, hạt thóc nữa! Ngũ cốc, hoa quả vốn có chất tinh bột, khi tan trong nước, phơi dưới ánh mặt trời, thì tự nhiên lên men. Nước men ấy mỗi ngày càng được chim chóc nhả "vật liệu" (tức lúa thóc) vào, nên cường độ lên men tự tăng, tăng mãi đến một lúc nào đó thành rượu.

Ngày kia, một tiểu phu đang khát, ngẫu nhiên tìm thấy bông cây có nước. Y ném thử rồi uống cảm thấy kích thích, cao hứng lạ thường. Sau đó y lảng lạng quay lại "thường thức" nhiều lần. Dần dà y đắm ra ghiền và uống bằng thích. Khi đã trở nên say sưa, tên tiểu phu không thể giữ kín được nữa, y loan tin ra rồi rù rê bè bạn, thân nhân đến đó nhậu nhẹt. Kết quả, nước men lôi cuốn mọi người, khiến cả nước Ấn Độ, đa số dân biết uống rượu. Số nạn nhân ghiền rượu càng đông thì những kẻ trục lợi phải nghĩ cách chế tạo, chứ không cần vào rừng tìm kiếm nữa. Cứ như thế mà thói quen uống rượu dần dần thịnh hành, đây xã hội loài người đến lạc thú say sưa, mất sáng suốt. Khi đã say người ta trở nên hung hăng, chuyện gì cũng dám làm, bất kể thiện ác, khiến cho xã hội mất an ninh, kẻ ghiền rượu không có tiền, có thể trở thành phường trộm cắp, sát nhân v.v... Sự nguy hiểm do chất rượu gây ra sẽ chẳng đo lường được. Bậc đại Giác Ngộ, trước bất hạnh ấy của loài người, chỉ còn phân tách, nói rõ hậu quả của các nghiệp mà thôi. Một chuyện khác liên quan đến Visàkhà là: Khi ấy "Hiền mẫu Migàra" nhân vụ gởi một ít quà cho bà con ở Anga, bị quan quân biên giới đóng thuế rất nặng. Nàng bất mãn thưa lên nhà vua, nhưng vương gia vì bận rộn, chưa phản xử hợp lý. Visàkhà vì bức bối, nên đến gặp Phật, xin lời khuyên dạy. Đức Thế Tôn bèn ngâm mấy câu kệ sau đây, đã làm cho "Hiền mẫu Migàra" tiêu tan hết bản khoản, phiền muộn.

*"Lòng bất mãn là nguyên nhân thống khổ,
Muốn an vui phải làm chủ con tâm!"*

*Tranh chấp là duyên khởi các hoạn mang,
Càng tranh chấp càng vô vòng phiền toái!"*
-- (ND phỏng dịch theo kinh Udàna số 18).

Giai thoại đáng kể tiếp theo, thuộc về khả năng hiểu pháp của đại tín nữ Visàkhà. Số là ngày kia trời rất nóng (nhằm mùa hè). Ít người giàu sang quyền quý chịu ra đường. Nhưng Visàkhà một mình đã đến thăm Phật vào lúc đứng bóng. Đức Phật hỏi "Hiện mẫu Migàra" đến chùa vì "bận tâm" điều gì, thì được biết đứa cháu nội của Visàkhà bắt thần qua đời. Cậu này khi còn sống là người sốt sắng nhất trong việc tiếp tay Visàkhà hằng ngày phân phát thực phẩm, cũng đường đến chư Tăng. Visàkhà tuy là Phật tử rất thắm nhuần Phật giáo, nhưng không vì vậy mà tình thương cháu đã tắt hẳn trong lòng. Đức Phật liền giải khô cho Visàkhà bằng những câu đối đáp sau đây:

- Nay Visàkhà! Đệ tử có thể tưởng tượng như mình nhiều con cháu, bằng toàn thể dân chúng trong thành Xá Vệ (Sàvatthi) này không?

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử có thể tưởng tượng như thế.

- Nay Visàkhà! Nhưng trong kinh đô Xá Vệ có ngày nào cũng có kẻ qua đời, ít nhất cũng vài người.

- Nay Visàkhà! Như vậy, nếu đệ tử có đông con cháu, như đám dân cư ngụ trong thành Xá Vệ, thì đệ tử mỗi ngày phải chịu ít nhất là vài cái tang chứ không phải một cái. Rồi đệ tử sẽ bị từ thân làm khổ từng giây từng phút, từ lâu rồi, chẳng phải đợi đến ngày hôm nay.

Đoạn đức Phật kết luận:

- Kẻ nào có trăm, ngàn người để yêu thương thì sẽ có trăm, nghìn lần khổ não. Ai chỉ có một người để yêu thương, thì chỉ có một lần chịu khổ não. Duy bậc Giác Ngộ thì không có người nào để yêu thương, thành ra sẽ không có lần nào nhận khổ não. Và này Visàkhà! Như Lai xác nhận với đệ tử rằng: Khổ não và tuyệt vọng chỉ bắt nguồn từ yêu thương và ôm giữ chứ không bắt nguồn từ nguyên nhân nào khác". (Theo kinh Udàna số 91).

[VI] Tên hiện mẫu "Migàra" trong vài bài pháp dài

Một cuốn kinh "tám chi" thuộc bộ Tăng Chi A Hàm (Anguttara Nikàya) có ghi ba bài pháp đức Phật tự thuyết, dựa trên lời yêu cầu trực tiếp hay gián tiếp của Visàkhà. Sách chép như sau: Vào một ngày trăng tròn, "Hiện mẫu Migàra" đến giảng đường "Đồng Viên Tự" để lễ bái đức Phật. Đức Thế Tôn hỏi bà ngoài lý do thăm viếng Bốn sư và Tăng chúng, có ý nghĩa nào khác không, thì được Visàkhà trả lời:

- Bạch đức Thế Tôn! Hôm nay là ngày "tịnh hạnh" (ám chỉ ngày thọ Bát quan trai: Uposatha) nên đệ tử phải vào chùa để trì giới, tịnh tâm và nghe pháp. Nhân đó, đức Phật liền thuyết một bài pháp dài (nằm trong số những bài pháp khá dài trong Tam tạng), nói về hai cách sai lầm, và một cách đúng đắn, để một người có thể đón ngày "Tịnh hạnh". Đức Phật đầu tiên ví cách sai lầm thứ nhất, để "đón" ngày Tịnh hạnh, như những kẻ chăn bò, hay đám nông dân chờ ngày "nghỉ lễ". Đối với họ (chăn bò hay nông dân), ngày nghỉ lễ không ám chỉ gì khác hơn là ngưng làm việc, và tùy khả năng hưởng thụ (ăn nhậu), hay mơ tưởng những lạc thú trần gian tương lai.

Cách sai lầm thứ hai để đón ngày "Tịnh hạnh" là làm như các đạo sĩ cực đoan, nhất là đạo Lão thể. Họ chờ ngày ấy để biểu dương một số hành động kiên nhẫn giả tạo, rồi khoe khoang rằng mình đã giải thoát được những dục căn, tham vọng. Sau cùng đức Phật chỉ rõ cách đúng đắn để đón ngày "Tịnh hạnh" là thực hiện Trung đạo, nghiêm giữ tám giới, và niệm tưởng đến các ân đức, như ân đức Tam Bảo, ân đức chư Thiên, và ân đức của sự trì giới.

Tiếp theo, đức Phật còn thuyết một bài pháp dài khác, nói về đời sống của các hàng Phạm Thiên (Brahma). Tuổi thọ của các tầng trời ấy, so với trần gian, dài vô tận. Và hạnh phúc của các hàng thiên chúng cũng thanh khiết hơn cõi người muôn triệu lần. Câu cuối cùng của bài pháp, đức Phật đã kết luận một cách so sánh:

"Cái mà thế gian cho là cực lạc, chỉ có thể xem là Nỗi khổ của cõi trời mà thôi. Vì vô minh và dục vọng thúc đẩy, mà con người lấy cái Khổ của cõi trời làm nơi giải thoát. Còn phẩm cách vô sanh bất diệt thì phẩm nhân không bao giờ thấy được".

Một đề tài khác cũng được "Hiền mẫu Migàra" (Hay Visàkhà) nêu lên hỏi đức Phật là: "Nhờ đức hạnh gì, một nữ nhân sẽ được thoát sinh vào các hàng thiên chúng, có sắc đẹp nhất cõi trời?". Đức Thế Tôn trả lời, nêu ra chín pháp lành là:

1. Luôn luôn hòa nhã, trung thành với chồng, và thân nhân nhà chồng, cũng như thường xuyên xét hạnh kiểm của chính mình.
2. Luôn luôn kính trọng và chăm sóc những người xung quanh, nhất là chồng con, cha mẹ, và những Thánh nhân được mọi người tôn thờ.
3. Luôn luôn sắp đặt tất cả việc nhà một cách khoa học và cẩn thận.
4. Đối xử với kẻ ăn người ở (hay đồng nghiệp, cộng sự) một cách công bằng và thân thiện, đặc biệt là quan tâm đến sức khỏe và thực phẩm của họ.
5. Luôn luôn bảo vệ của cải cho chồng.
6. Tự mình không uống rượu, và tránh xa những người ghiền rượu.
7. Phải quy y Phật, Pháp, Tăng và luôn luôn tin tưởng vào đức lành của ba ngôi Tam Bảo.
8. Nghiêm chỉnh thọ trì ngũ giới.
9. Hoan hỷ khi hay tin có người xuất gia tu hành.

(Theo Tăng Chi A Hàm: A. IV. 255f).

Đề tài thứ ba mà Visàkhà (hay "Hiền mẫu Migàra") hỏi Phật là: "Nhờ phẩm cách gì một nữ nhân có thể thành công trong kiếp này, và các kiếp về sau?" Đức Phật đã trả lời vắn tắt:

- Nếu một người đàn bà biết giữ gìn đức hạnh, và có óc tổ chức, biết làm cho những người hợp tác (hay tôi tớ) kính phục, thương mến, biết giữ của cho chồng, đồng thời có sáng kiến về kỹ nghệ thì sẽ thành công trong kiếp này. Còn các kiếp về sau muốn tiến hóa, thì một nữ nhân phải có bốn thiện pháp là chánh tín, trì giới, xuất gia, và trí tuệ.
(Theo Tăng Chi A Hàm: A. IV. 269)

[VII] Tên Visàkhà tìm thấy trong tạng Luật

Ngoài ra, trong Chú Giải Tỳ khuru (thuộc Tạng Luật), cũng có một số điểm nhắc đến tên "Visàkhà", liên hệ đến nguyên nhân vì sao đức Phật chế điều răn. Số là một người cháu kêu Visàkhà bằng cô, khi phát nguyện xuất gia, sống đời sống phạm hạnh, thì nhằm vào mùa mưa, nên các trụ trì các tu viện thành Xá Vệ đã nói với ông rằng: "Chư Tăng vừa đồng ý cùng nhau không truyền giới Sa di (mới tu) cho bất kỳ ai, trong mùa an cư kiết hạ. Vậy tín hữu hãy ráng chờ đến khi mãn hạ". Nhưng lúc an cư kiết hạ chấm dứt thì người kia thối chí, không muốn xuất gia tu hành nữa. Hay tin này đại tín nữ Visàkhà liền đến yết kiến đức Phật và thưa rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Pháp giải thoát không thể bị giới hạn bởi thời gian và hoàn cảnh. Người có tâm muốn xuất gia, thì phải được Tam Bảo tiếp độ bất cứ lúc nào.

Đức Phật liền chấp thuận, và nhân đó chế điều luật:

- Như Lai phê chuẩn cho chư Tỳ kheo Tăng, từ nay về sau không được từ chối lễ xuất gia cho một giới tử, viện có thời gian, hay hoàn cảnh (Theo Luật Phần Tỳ Kheo: Vinaya I. 290f).

Một lần nọ, khi đức Thế Tôn cùng chúng Tăng, được "Hiền mẫu Migàra" (tức Visàkhà) mời đến nhà thọ trai. Vị đại tín nữ này sau đó yêu cầu Phật ban cho tám điều ước. Đức Phật liền dạy: "Ước muốn thế gian nhiều khi đáng xem xét, vì ước muốn hằng dẫn con người rơi vào vòng dính mắc. Như Lai là bậc Giác Ngộ, có thể ban cho đệ tử những pháp lành cao thượng hơn, để được giải thoát". Nhưng, Visàkhà vội xác nhận rằng chẳng cầu xin những điều đáng chê trách. Trái lại, nàng chỉ yêu cầu đức Phật và Tăng chúng chấp thuận nàng thực hiện tám loại bố thí cao thượng như sau:

1. Được dâng y tắm mưa đến chư Tăng.
2. Được cúng dường thực phẩm cho khách Tăng từ xa đến.
3. Được cúng dường thực phẩm chư Sa môn sắp đi xa. (Như lên đường truyền bá Phật giáo, hay vào rừng tu tập).
4. Được cúng dường thuốc men cho chư Tăng bệnh hoạn.
5. Được cúng dường thực phẩm cho Sa môn bệnh hoạn.
6. Được cung cấp thực phẩm cho Sa môn nào tình nguyện nuôi bệnh.
7. Được dùng nếp nấu cơm dâng đến chư Tăng. (Mà không ngại tập cho chư Tăng ăn vật ngon, khoái vị).
8. Được dâng y "làm màn tắm" cho Tỳ khuru Ni không ở gần giếng, mà phải tắm rửa dưới suối, dưới ao, hay dưới sông.

Đức Phật liền hỏi Visàkhà lý do nào nàng yêu cầu tám điều ấy, thì Ngài được trả lời chi tiết:

1. Vì chư Tỳ khuru Tăng chỉ có tam y, nên khi mưa đổ, họ phải di chuyển thân trần ngoài đường khiến dân chúng hiểu lầm họ là những tu sĩ đạo lỗi lạc. Để từ xin dâng y tắm mưa đến chư Tăng là tránh chuyện đó. (Tam y là: Y Tăng Già lê, Uất Đà La Tăng, và An Đà Hội).

2. Khách Tăng mới đến, thường không biết đường đi, lối bước trong thành Xá Vệ (Sàvatthi), do đó khó khất thực đúng chỗ, để những kẻ háo tâm cúng dường. Và hành trình cũng làm cho quý Ngài mệt mỏi. Đề từ yêu cầu họ mang bình bát đến thẳng nhà Migàra, để đề từ cúng dường.

3. Tương tự như thế, chư Tăng sắp lên đường đi đâu, dù chưa đến giờ khất thực, cũng cho phép đệ tử dâng thức ăn để mang theo. Đến giờ ngọ thực (12 giờ trưa), các Ngài ở nơi nào thì có sẵn thức ăn trong bình bát, khỏi phải dò đường khất thực tại địa phương lạ.

4. 5. Khi một Sa môn bị bệnh thì sự đau đớn thân xác không cho phép họ đi đứng dễ dàng. Nếu các bệnh tăng không được ai tặng thuốc và thực phẩm thích hợp, thì sẽ chết, gián đoạn sự tu hành. Vì vậy đệ tử nên cúng dường.

6. Sa môn nuôi bệnh không có thì giờ khất thực cho chính mình và đồng đạo. Sự túc trực bên bệnh nhân không cho phép vị ấy vừa đi tìm thuốc, vừa khất thực cho hai người, để dùng bữa xong trước đứng bóng. Đề từ yêu cầu sa môn nào nuôi bệnh cứ đến thẳng nhà, để đệ tử cúng dường.

7. Đề từ không phải là y sĩ chuyên nghiệp, nhưng nhờ nghe nhiều người học thức nói về khả năng làm dịu đau bao tử của com nếp, nên muốn dâng thực phẩm ấy, để duy trì sức khỏe của chư Tăng hành đạo. (Theo Tăng Chi A Hàm: A III. 248).

8. Chư ni cũng có tam y. Nhưng khi mưa, chư Tăng có thể tắm ngoài trời được, còn chư Ni thì không được phép. Họ phải tắm rửa kín đáo thân thể, như dưới sông, dưới ao, hay dưới hồ. Nếu họ không có y tắm sông, bắt buộc phải chịu lửa thể trong giầy lát, là một điều kém nhã. Do đó, đệ tử muốn dâng y "tắm sông" đến họ.

Sau khi nghe Visàkhà trình bày căn cứ lý do nàng mong ước thực hiện các điều trên, đức Phật liền hỏi người đại tín nữ rằng: "Do thiện nghiệp ấy, nàng muốn hưởng phúc lành, đạt tiến hóa nội tâm như thế nào?". Một lần nữa, Visàkhà lại diễn tả Pháp Bảo bằng những lời lẽ giản dị dễ hiểu như sau: - Bạch đức Thế Tôn! Sự liên quan giữa thiện nghiệp bên ngoài, do thân và khẩu tùy theo vật chất tạo ra, với sự phát triển nội tâm bên trong do hướng dẫn tư tưởng theo chánh đạo, con đã từng nghe đức Thế Tôn chỉ dạy một số pháp thực tiễn, khi Ngài được chư Tỷ khưu hỏi về "Sa môn quả" rằng: "Trong nội tâm có hai cảnh giới là cảnh giới thanh tịnh, sáng suốt, và cảnh giới ô nhiễm, buồn bực. Người làm được việc lành, thì những suy nghĩ cột chặt trong cảnh giới sáng suốt, thanh tịnh. Còn người làm điều ác, thì những suy nghĩ chìm sâu trong cảnh tâm tối. Ví như kẻ đến viếng thành phố Xá Vệ này.

Nếu họ biết thân cận với người lành, hướng dẫn tìm cảnh đẹp để xem, thì thân tâm sẽ vui tươi, thư thái. Ngược lại, họ sẽ buồn bực, nhìn thấy những đồng rác, hay chỗ bỏ hoang.

Cảnh đẹp hay cảnh lành, do chính ai từng hướng dẫn con tâm duyên theo thiện nghiệp, thì người ấy phải thấy, rồi họ sẽ tự tin và hoan hỷ. Hiện tượng này từng hiện rõ trên khuôn mặt của các Sa môn đã an định trong Thiền, lúc chư vị nhắm mắt. Thử họ còn sống thì thiện nghiệp là pháp nuôi dưỡng cả thân lẫn tâm. Nhưng khi hết tuổi thọ, thì thiện nghiệp là ánh sáng soi đường trên nẻo luân hồi vậy. Nói cách khác, những pháp hộ trì Tăng chúng, mà đệ tử muốn thực hiện nêu trên, là những yếu tố để nuôi dưỡng tâm từ bi, duy trì gương phạm hạnh, cùng củng cố đức tin, để khi đủ trợ duyên bước vào thiên định, thì Ngũ căn, Ngũ lực, và Thất giác chi cũng theo đó phát triển.

(Ngũ căn: Pancindriya, là: 1. Tín căn: Saddhindriya, 2. Tấn căn: Viriyindriya, 3. Niệm căn: Satindriya, 4. Định căn: Samādhindriya, 5. Tuệ căn: Pannindriya.

- Ngũ lực: Chabala, là: 1. Tín lực: Saddhā Bala, 2. Tấn lực: Viriya Bala, 3. Niệm lực: Sati Bala, 4. Định lực: Samādhī Bala, 5. Huệ lực: Panna Bala.

- Thất giác chi: Satta Bojjhanga, là: 1. Niệm giác chi: Sati Bojjhanga, 2. Tuệ pháp giác chi: Dhamma Vicaya Bojjhanga, 3. Tấn giác chi: Viriya Bojjhanga, 4. Phi lạc giác chi: Pīti Sambojjhanga, 5. Tịnh thể giác chi: Passadhi Sambojjhanga, 6. Định giác chi: Samādhī Sambojjhanga, 7. Xả giác chi hay Vô ký giác chi: Upekkhā Sambojjhanga).

Nghĩa là, Visākhā kiếp chót gặp Phật, trưởng thọ một trăm hai chục tuổi, nàng đã thực hiện tròn đủ thiện nghiệp, đề khi nhập vào Thánh Lưu, những động lực giải thoát, vượt mọi mắc dính ái dục, hay vi tế phiền não luân hồi, sẽ thúc đẩy tâm linh nàng hướng tới Niết bàn tịch tịnh, chứ không còn phiêu lưu sa đọa, dù cho là sa đọa trong các cõi trời.

Sự nhầm mắt của vị nữ đại Hộ pháp này, trong Tam tạng không thấy chỗ nào nói đến. Tuy nhiên, căn cứ trên thọ mạng, thì Visākhā đã qua đời lúc một trăm hai chục tuổi, tức khoảng sáu chục năm sau đức Phật nhập Niết bàn.

Theo sử sách Phật giáo, thì từ cuộc Kết Tập Tam Tạng Lần Thứ Nhất (do đệ nhất Đại Thánh Tăng Ca-Điếp chủ tọa, gần Vương Xá thành) đến Lần Kết Tập Tam Tạng Lần Thứ Hai ở Vesālī (dưới thời đệ nhất A Dục Vương), khoảng cách là một trăm năm. Thời hậu Phật này đã có nhiều cải cách trong giới hạnh tăng lữ: Chư Sa môn chăm lo tu hành thì ần dật, ít xuất hiện giữa quần chúng. Còn Tăng đoàn nào muốn chu du thuyết pháp, lại đề nghị sửa đổi một ít luật lệ Tỳ khưu cho hợp với hoàn cảnh. Và các chi phái Phật giáo cũng xuất hiện từ đó.

Khi Phật giáo bắt đầu có nhiều chi phái, thì đại tín nữ Visākhā đã quá già. Có lẽ bà cũng không hưởng ứng mấy những canh cải lời Phật dạy, nên khép thân tịnh tu tại gia, không thiết đến việc đi nghe giảng đạo nữa. Và ấy chắc chắn là lý do hơn một trăm năm sau (kể từ khi Phật nhập Niết bàn), những vị chép lại Tam tạng đã không có sử liệu để nói về bà.

Chúng tôi, lược ghi đoạn này với tất cả sự dè dặt. Học giả nào có sử liệu xác thực về sự từ trần của đại tín nữ Visākhā, thì chúng tôi xin được bổ túc. Đến đây, câu chuyện của vị đại Hộ pháp, thời đức Phật còn tại thế, xin được chấm dứt.

*Nguyễn Điều
(Soạn xong ngày 17-12-1994)*

Tài liệu tham khảo:

"The Mother of Migāra, a female lay Disciple of Lord Buddha". (Bản tiếng Đức của Dr. Hellmuth Hecker, bản tiếng Anh của Fried Lottermoser)

Anguttara Nikāya: Các số A. I. 26 (bản dịch 24), A. I 203-214 (bản dịch 185. 195), A. IV. 255f (bản dịch 174), A. IV. 267 (bản dịch 178), A. I. V 269 (bản dịch 178-180)

Udāna: Các số Ud. 18 (bản dịch 22), Ud. 91 (bản dịch 111f)

Jātakas các số 489, 512.

Vinaya: Các số Vin. I. 289 -295 (bd. 413- 421), Vin I. 152 (bản dịch 202f), Vin II. 129 (bản dịch 179f), Vin. IV. 161 (bản dịch III. 78f).

Dhammapada: Các số Dhp. A. I. 384-420 (bd II. 59-84).

-ooOoo-

Bài thơ:

Tướng niệm đại Tín nữ "Nguyệt Trang Đài" (Visàkhà)

Đâu đó chuông chùa dưới ánh trăng
Thoáng thơm làn gió loãng hương trầm
Nhớ gương đại hạnh ngày xưa ấy
Giờ có còn chăng với tháng năm?!

Thuở trước một hiền nhân Hộ pháp
"Nguyệt Trang" tín nữ mạnh thường quân
Tặng Ni tứ sự tâm từ cấp
Tạo tự "Đồng Viên", hội Pháp âm.

Bà đã trọn đời, trang tuyệt sắc
Giàu sang, thân thể khỏe muôn phần
Tuổi thọ khi tròn trăm hai chục
Vẫn đẹp như thời chớm tuổi xuân.

Thiện pháp hằng ngày chăm chỉ học
Thuần tâm, tịnh ý, hảo tình thân
Chọn "chuỗi bồ đề" thay chuỗi ngọc
Cho kiếp làm người đủ Thánh ân.

Bà đã đi vào giáo tích
Truyện ghi "Tứ mẫu", mẹ hiền Tăng
Phật tử ngàn sau ai cảm kích
Thì xin noi dấu, gắng tu hành!

Nguyễn Điều cẩn đề.

--ooOoo--

[Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Phần 1](#)

Chân thành cảm ơn Đại đức Giác Đồng đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 04-2001)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

update: 04-04-2001